TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI** Bản án số: 23/2025/DS-ST Ngày: 22/7/2025 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Toà án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lê Bảo Long.**

Hội thẩm nhân dân: **1, Bà Trương Thị Thái**

2, Ông Hoàng Văn Long.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Đỗ Thị Minh Hiếu -** Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Hoàng Phương -** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11- Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: B - B N, Phường V, Quận C (nay là phường X), thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H (Vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Hoàng Trung T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Y, xã T, huyện T (nay là phường T), thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản ý kiến … đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/01/2020, ông T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074 – 1102 với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33,602,000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29,311,260 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: 3.9%/tháng

Tính đến ngày 22/07/2025, ông T còn nợ các khoản sau:

•Gốc: 35,275,568 đồng

•Lãi quá hạn: 47,424,322 đồng

•Tổng dư nợ: 82,699,890 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi hai triệu,sáu trăm chín mươi chín nghìn,tám trăm chín mươi đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông Hoàng Trung T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi theo quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 03/1/2020 tính đến ngày 22/7/2025 là 82,699,890 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

Ông Hoàng Trung T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 23/07/2025 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên ông Hoàng Trung T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có đơn xin vắng mặt gửi Toà án.

Ngày 17/7/2025, ông Nguyễn Thanh H – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn gửi Tòa án xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt, bản tự khai và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo

quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

1. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Hoàng Trung T có địa chỉ tại thôn Y, xã T, huyện T, (nay là phường T) thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội) thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xác định tư cách đương sự: Ông Hoàng Trung T đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S. Khi ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngân hàng đã đồng thời thông báo về việc khởi kiện cho ông. Tòa án xác định Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn và ông Hoàng Trung T là bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Căn cứ các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Hoàng Trung T có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt tại phiên tòa của đương sự: Bị đơn ông Hoàng Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến, không có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt ông Hoàng Trung T là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn gửi Tòa án xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung.

[2.1] Về hiệu lực của Giao dịch dân sự: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Hoàng Trung T thấy: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Ngân hàng TMCP S có đầy đủ tư cách pháp nhân; Ông Hoàng Trung T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Hợp đồng được xác lập trên cơ cở tự nguyện, không bị ép buộc. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý kể từ thời điểm ký kết. Các bên ký kết có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Hoàng Trung T:

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định bị đơn ông Hoàng Trung T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, cần yêu cầu ông Hoàng Trung T thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP S.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Ông Hoàng Trung T và Ngân hàng TMCP S ký kết Hợp đồng tín dụng phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Trung T trả toàn bộ gốc, lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy cần buộc ông Hoàng Trung T thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/7/2025 là: 82,699,890 đồng (T1 mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc là: 35,275,568 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi là: 47,424,322 đồng (Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng).

Ông Hoàng Trung T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 23/7/2025 đến ngày ông Hoàng Trung T thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP S.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận nên ông Hoàng Trung T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn là ông Hoàng Trung T.

2. Buộc ông Hoàng Trung T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 82,699,890 đồng (T1 mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc là: 35,275,568 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi là: 47,424,322 đồng (Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 23/7/2025 ông Hoàng Trung T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Ông Hoàng Trung T phải chịu 4.134.994 đồng (Bốn triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP S 1.609.000 đồng (Một triệu, sáu trăm linh chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0056589 ngày 14/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Lê Bảo Long

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 11 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bảo Long